

Số: 47/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

Điều 1. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11

“Điều 11a. Niêm phong, mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ

1. Người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện căn cứ quy định tại khoản 5a Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính để quyết định trường hợp niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Tang vật, phương tiện bị tạm giữ được niêm phong bằng việc dán tem, giấy niêm phong đè lên những phần, bộ phận có thể mở để lấy, đổi tang vật, phương tiện hoặc dán đè lên những phần, bộ phận để bảo đảm tính nguyên trạng của tang vật, phương tiện.

Trường hợp tang vật, phương tiện có khối lượng, kích thước lớn hoặc không thể di chuyển được thì dán tem, giấy niêm phong đè lên những phần, bộ phận có xác định nguồn gốc, đặc điểm, bộ phận chính của tang vật, phương tiện và những vị trí cần thiết khác để bảo đảm tính nguyên trạng của

tang vật, phương tiện. Đối với tang vật, phương tiện có thể sử dụng khóa, kẹp dây chì, dây thép và các hình thức khác để bao bọc thì sau khi bao bọc thực hiện việc dán tem, giấy niêm phong.

Đối với tang vật, phương tiện không thể niêm phong được tại hiện trường thì khi đưa về nơi tạm giữ tang vật, phương tiện phải tiến hành niêm phong theo quy định.

3. Tem, giấy niêm phong khi sử dụng để niêm phong không được rách, mờ, bảo đảm tính nguyên vẹn; tem niêm phong phải bảo đảm không bị làm giả; đối với giấy niêm phong phải có các thông tin cơ bản về tên cơ quan, tổ chức chủ trì, thời gian tổ chức niêm phong, họ tên, chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tham gia thực hiện niêm phong và đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện niêm phong hoặc dấu của chính quyền xã, phường, đặc khu nơi tổ chức thực hiện niêm phong vào giấy niêm phong.

Trường hợp pháp luật có quy định riêng về tem, mẫu giấy niêm phong tang vật, phương tiện trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự, thủ tục niêm phong, mở niêm phong tang vật, phương tiện bị tạm giữ:

a) Người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện hoặc cơ quan của người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện tổ chức thực hiện niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình người vi phạm, đại diện tổ chức hoặc đại diện chính quyền xã, phường, đặc khu nơi tiến hành niêm phong hoặc ít nhất 01 người chứng kiến.

Kết thúc niêm phong phải lập biên bản theo Mẫu biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Mở niêm phong tang vật, phương tiện do người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện hoặc cơ quan của người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện tổ chức thực hiện bằng cách bóc, gỡ tem, giấy niêm phong đã dán trước đó trước mặt người vi phạm, người được phân công quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ; nếu người vi phạm vắng mặt thì mời đại diện chính quyền xã, phường, đặc khu nơi tiến hành mở niêm phong chứng kiến hoặc ít nhất 01 người chứng kiến khi mở niêm phong.

Kết thúc mở niêm phong phải lập biên bản theo Mẫu biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ hoặc chuyển tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu phải có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ.

Việc thông báo hoặc gửi các quyết định (quyết định trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ hoặc quyết định chuyển tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu) cho cơ quan điều tra, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan giám định, đại diện tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ (nếu có) hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm thông qua một trong các hình thức ứng dụng định danh quốc gia/tài khoản định danh điện tử, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại hoặc các hình thức phù hợp khác.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Kiểm tra quyết định trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ hoặc quyết định chuyển tang vật, phương tiện; kiểm tra thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc thẻ căn cước công dân của người đến nhận.

Người đến nhận lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ phải là người vi phạm hoặc chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện có tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ hoặc đại diện tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ hoặc đại diện tổ chức vi phạm hành chính đã được ghi trong quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Nếu chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân ủy quyền cho người khác đến nhận lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ thì phải lập văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề hết thời hạn tạm giữ được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 4a và khoản 4b Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tiếp tục tổ chức việc quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề khi đã hết thời hạn tạm giữ mà tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định này không đến nhận hoặc không xác định được người vi phạm và trong thời gian thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho đến khi tang vật, phương tiện đó

bị tịch thu, xử lý theo quy định hoặc cho đến khi tang vật, phương tiện được chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để thu hồi theo quy định của pháp luật.”.

Điều 4. Bổ sung Điều 17a vào sau Điều 17

“Điều 17a. Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp

Người quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trong thời gian quản lý, bảo quản có trách nhiệm rà soát, thống kê và kịp thời báo cáo người hoặc cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ để xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp, cụ thể:

1. Xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính để tổ chức bán ngay (bán trực tiếp, không thông qua đấu giá) đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm nếu không xử lý ngay thì sau khi có quyết định tịch thu hàng hóa, vật phẩm đó có khả năng bị hư hỏng, suy giảm chất lượng bao gồm: thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; thực phẩm đã qua chế biến và các loại hàng hóa, vật phẩm khác mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; hàng hóa có tính chất thời vụ (hàng tiêu dùng theo mùa, phục vụ lễ, tết), hàng điện tử và các loại hàng hóa, vật phẩm khác do đặc tính tự nhiên, điều kiện bảo quản nếu không xử lý ngay thì sau khi có quyết định tịch thu có khả năng bị hư hỏng, suy giảm chất lượng.

Giá bán hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng do người hoặc cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện quyết định dựa trên căn cứ xác định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc phối hợp với cơ quan tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm để xác định giá bán của hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng.

Việc bán hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng phải được lập thành biên bản gồm các nội dung cơ bản sau: thời gian, địa điểm bán; tên, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, hiện trạng của hàng hoá, vật phẩm tại thời điểm bán; giá bán; người mua và các nội dung khác có liên quan.

2. Xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính để tiêu hủy đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính có nguy cơ gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng trong quá trình quản lý, bảo quản, cụ thể:

a) Người hoặc cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ thành lập Hội đồng tiêu hủy để tổ chức tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm. Hội đồng tiêu hủy do người hoặc đại diện cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm; đại diện cơ quan, đơn vị đang quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện; đại diện cơ quan chuyên môn liên quan do Chủ tịch Hội đồng tiêu hủy quyết định;

b) Hình thức tiêu hủy và tổ chức thực hiện:

Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa, vật phẩm và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, người hoặc cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ quyết định việc tiêu hủy theo một trong các hình thức sau: sử dụng hóa chất; sử dụng biện pháp cơ học; hủy đốt; hủy chôn; hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tiêu hủy phải được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng tiêu hủy. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: căn cứ, lý do thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành viên tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của hàng hóa, vật phẩm tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan.”.

Điều 5. Bổ sung, thay thế, bỏ cụm từ tại các điểm, khoản của Điều 1, Điều 8, Điều 14, Điều 15

1. Bổ sung cụm từ “và các quy định của pháp luật có liên quan” vào sau cụm từ “Luật Xử lý vi phạm hành chính” tại đoạn cuối khoản 2 Điều 1.

2. Thay thế cụm từ “khi có quyết định của người có thẩm quyền” bằng cụm từ “khi có quyết định của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ hoặc quyết định của người có thẩm quyền” tại đoạn cuối khoản 2 Điều 8.

3. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu” tại khoản 3 Điều 14.

4. Bỏ cụm từ “Cá nhân vi phạm khi gửi đơn phải gửi bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng, chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc giấy xác nhận về nơi công tác của cơ quan, tổ chức nơi cá nhân vi phạm đang công tác” tại điểm a khoản 2 Điều 14.

5. Bỏ cụm từ “hoặc số chứng minh nhân dân” tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 14, điểm a, điểm c khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 15.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). 70

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Hòa Bình